

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

## GIẢI TRÌNH CHỆNH LỆCH SỐ LIỆU TÀI CHÍNH NĂM 2016 TRƯỚC VÀ SAU BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM  
Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước

- Căn cứ theo Điều 11, khoản 1.6 thông tư số: 52/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 "Khi có giải trình liên quan đến các số liệu tài chính do công ty phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật khác với số liệu tài chính tại Báo cáo tài chính được kiểm toán".
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2016 do công ty CASUMINA lập và báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán.
- Công Ty CASUMINA xin giải trình chênh lệch số liệu báo cáo tài chính năm 2016 trước kiểm toán ( đã được Công ty công bố ) với số liệu sau kiểm toán ( do kiểm toán viên đề nghị) như sau:

### 1 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	M số	Số liệu năm 2016 Công ty lập	Báo cáo kiểm toán Năm 2016	Chênh lệch
		(1)	(2)	(3) = (2)-(1)
Phải thu ngắn hạn khác	136	30.902.204.796	30.899.004.796	(3.200.000)
Thuế GTGT được khấu trừ	152	21.321.323.224	21.415.786.984	94.463.760
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	171.669.717.435	172.614.355.035	944.637.600
<b>Tổng tài sản</b>		<b>3.374.417.583.211</b>	<b>3.375.453.484.571</b>	<b>1.035.901.360</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	166.792.894.608	167.831.995.968	1.039.101.360
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	24.265.918.071	24.249.535.051	(16.383.020)
Phải trả người lao động	314	72.923.181.835	72.919.981.835	(3.200.000)
Chi phí phải trả ngắn hạn	319	56.137.471.855	56.367.500.790	230.028.935
Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b	157.483.519.920	157.269.874.005	(213.645.915)
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>440</b>	<b>3.374.417.583.211</b>	<b>3.375.453.484.571</b>	<b>1.035.901.360</b>

- Chênh lệch giảm khoản Phải thu ngắn hạn khác và phải trả người lao động (Mã số: 136 và 314): do Công ty điều chỉnh bút toán đi qua tài khoản trung gian (theo toàn Công ty) .
- Chênh lệch tăng khoản Thuế GTGT được khấu trừ, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang và Phải trả người bán (Mã số: 152, 242 và 311): do quá trình lưu chuyển chứng từ về Công ty bị chậm trễ dẫn đến ghi nhận vào sổ sách kế toán chưa đầy đủ.

- c) Chênh lệch giảm khoản Thuế và các khoản thu Nhà nước, chênh lệch tăng Chi phí phải trả ngắn hạn và chênh lệch giảm Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này (Mã số: 313, 319 và 421b): do chúng từ thông báo tiền thuê đất cho năm 2016 được phát hành vào ngày 17/01/2017 nên Công ty phải trích lập thêm.

## 2 KẾT QUẢ KINH DOANH

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	M số	Số liệu năm 2016 Công ty lập	Báo cáo kiểm toán Năm 2016	Chênh lệch
		(1)	(2)	(3) = (2)-(1)
7. Chi phí hoạt động tài chính		83.812.851.754	86.561.438.778	2.748.587.024
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		125.673.696.810	123.155.138.721	(2.518.558.089)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		334.716.262.365	334.486.233.430	(230.028.935)
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>331.678.819.243</b>	<b>331.448.790.308</b>	<b>(230.028.935)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		70.055.039.568	70.038.656.548	(16.383.020)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>313</b>	<b>261.108.781.920</b>	<b>260.895.136.005</b>	<b>(213.645.915)</b>

- a) Chi phí hoạt động tài chính lệch tăng 2.748.587.024 đồng, do Công ty trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Công ty CP Phillip Carbon Black VN) vào Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- b) Chi phí quản lý doanh nghiệp lệch giảm (2.518.558.089) đồng, do Công ty trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Công ty CP Phillip Carbon Black VN) vào Chi phí quản lý doanh nghiệp và trích thiếu chi phí tiền thuê đất 230.028.935 đồng
- c) Chi phí thuế TNDN hiện hành lệch giảm (16.383.020) đồng do Công ty trích thêm chi phí tiền thuê đất.

## 3 LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu năm 2016 Công ty lập	Báo cáo kiểm toán Năm 2016	Chênh lệch
		(1)	(2)	(3) = (2)-(1)
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>	<b>331.678.819.243</b>	<b>331.448.790.308</b>	<b>(230.028.935)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				-
- Khấu hao TSCĐ	2	177.734.682.703	177.734.682.703	-
- Các khoản dự phòng	3	(4.231.172.065)	(4.231.172.065)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	10.657.540.644	11.216.040.644	558.500.000
- Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(41.279.161.826)	(19.894.833.132)	21.384.328.694
- Chi phí lãi vay	6	60.039.651.095	60.039.651.095	-
- Các khoản điều chỉnh khác	7		(51.131.000.000)	(51.131.000.000)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>	<b>534.600.359.794</b>	<b>505.182.159.553</b>	<b>(29.418.200.241)</b>



- Tăng giảm các khoản phải thu	9	(100.636.639.227)	(95.178.931.209)	5.457.708.018
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(106.662.889.776)	(106.662.889.776)	-
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	45.891.874.403	47.751.482.909	1.859.608.506
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(9.387.528.528)	(9.387.528.528)	-
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(52.981.091.212)	(52.981.091.212)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(80.186.867.082)	(81.437.258.083)	(1.250.391.001)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	8.362.170.093	8.400.515.548	38.345.455
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(74.833.618.713)	(319.762.328.713)	(244.928.710.000)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>164.165.769.752</b>	<b>(104.075.869.511)</b>	<b>(268.241.639.263)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(276.618.177.564)	(277.562.815.164)	(944.637.600)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	19.010.610.588	(5.456.268.948)	(24.466.879.536)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (số dư được kết chuyển từ tài khoản 222)	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi đầu tư chứng khoán	27	13.906.381.145	11.494.317.584	(2.412.063.561)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(243.701.185.831)</b>	<b>(271.524.766.528)</b>	<b>(27.823.580.697)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		296.059.710.000	296.059.710.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.204.703.903.019	2.204.145.403.019	(558.500.000)
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.958.740.419.739)	(1.958.740.419.739)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(7.612.457.737)	(7.612.457.737)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(251.663.844.000)	(251.099.834.040)	564.009.960
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(13.312.818.457)</b>	<b>282.752.401.503</b>	<b>296.065.219.960</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(92.848.234.536)</b>	<b>(92.848.234.536)</b>	



<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>123.751.498.741</b>	<b>123.751.498.741</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	56.954.014	56.954.014	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>30.960.218.219</b>	<b>30.960.218.219</b>	<b>-</b>

- Chênh lệch giảm Các khoản điều chỉnh khác ( Mã số 07), chênh lệch giảm Tiền chi từ hoạt động kinh doanh ( Mã số 17), chênh lệch tăng Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu ( Mã số 31) : do tăng giảm số liệu giữa các chỉ tiêu theo kết quả của kiểm toán.
- Chênh lệch tăng Lãi lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện (Mã số 04) và chênh lệch giảm Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được (Mã số 33): do Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của tiền và các khoản phải thu.
- Chênh lệch Tăng giảm các khoản phải thu ( Mã số 09): do điều chỉnh số liệu trên bảng cân đối kế toán (Các khoản trả trước cho người bán, phải trả người bán, phải thu ngắn hạn khác, phải trả ngắn hạn khác, thuế và các khoản phải thu Nhà nước, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước).
- Chênh lệch tăng chi tiêu Tăng giảm các khoản phải trả ( Mã số 11), chênh lệch giảm Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp (Mã số 15) và chênh lệch giảm Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác (Mã số 21): do điều chỉnh số liệu trên bảng cân đối kế toán (Các khoản trả trước cho người bán, phải trả người bán, phải thu ngắn hạn khác, phải trả ngắn hạn khác, thuế và các khoản phải thu Nhà nước, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước) và chênh lệch cổ tức đã trả cho chủ sở hữu
- Chênh lệch tăng Lãi từ hoạt động đầu tư ( Mã số 05), chênh lệch tăng Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (Mã số 16), chênh lệch giảm Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi đầu tư chứng khoán (Mã số 27) và chênh lệch giảm Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác (Mã số 22): do Công ty chưa tách phần tiền thu được từ thanh lý TSCĐ và tiền thu lãi cho vay.
- Chênh lệch tăng Khoản cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu (Mã số 36): do Công ty tính số trích (phải trả) cổ tức trả cho các cổ đông, Công ty kiểm toán tính số đã chi trả thực cho các cổ đông.
- Trên đây là những giải trình của Công ty về sự chênh lệch số liệu báo cáo tài chính trước và sau báo cáo kiểm toán.
- Công ty xin trân trọng báo cáo cho Ủy Ban Chứng Khoán và Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM cũng như toàn thể Quý cổ đông của Công ty.



**Phó Tổng Giám Đốc**

**LÊ KIM NGỌC**

**Kiểm toán Viên**

**TẠ QUANG TẠO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Phạm Hồng Phú*

